



Số / N° de série
218/UBND-TP
Mã QR: HN-2026-SPX

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG HÔN NHÂN

Certificat attestant la situation matrimoniale ("certificat de célibat") - Formulaire TP/HT-2020-TTHN prévu par la loi sur l'état civil, le Décret n° 123/2015/NĐ-CP et la Circulaire n° 04/2020/TT-BTP

I. THÔNG TIN NGƯỜI ĐƯỢC XÁC NHẬN

① Họ, chữ đệm, tên <i>Nom complet</i>	JEAN <SPECIMEN> ALEXANDRE
Ngày, tháng, năm sinh <i>Date de naissance</i>	12/06/1985
Giới tính <i>Sexe</i>	Nam
Quốc tịch <i>Nationalité</i>	Pháp (France) — cá nhân nước ngoài
Hộ chiếu số <i>N° de passeport</i>	00 SPECIMEN 00
Nơi cư trú <i>Lieu de résidence</i>	Căn 1804, chung cư THE LAKE VIEW <specimen>, KĐT Tây Hồ Tây, P. Xuân Tảo, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

II. NỘI DUNG XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG HÔN NHÂN / Déclaration de situation matrimoniale

② Thời gian cư trú được xác nhận <i>Période de résidence couverte</i>	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 10/03/2026
③ Tình trạng hôn nhân trong thời gian nêu trên <i>Situation matrimoniale durant cette période</i>	Chưa đăng ký kết hôn với ai
Tình trạng hôn nhân tại thời điểm cấp Giấy <i>Situation matrimoniale à la date de délivrance</i>	Hiện tại: Chưa đăng ký kết hôn

III. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG VÀ GIÁ TRỊ CỦA GIẤY / Objet et validité

④ Giấy này được cấp để <i>Le présent certificat est délivré pour</i>	Sử dụng làm thủ tục xác lập tài sản riêng khi nhận chuyển nhượng bất động sản tại Việt Nam
⑤ Giá trị sử dụng <i>Durée de validité</i>	06 tháng kể từ ngày cấp — đến hết ngày 10/09/2026

⑥ Số vào sổ hộ tịch *N° d'inscription au registre de l'état civil*:
XN 00218 / 2026



⑦
Vérifier la validité - specimen

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2026
UBND PHƯỜNG XUÂN TẢO, QUẬN BẮC TỪ
LIÊM, TP. HÀ NỘI
CHỦ TỊCH UBND



<SPECIMEN>

Le *Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân* (Certificat de célibat / de situation matrimoniale), champ par champ

Ce certificat prouve qu'un acheteur est célibataire, ce qui permet d'enregistrer un bien comme propriété personnelle distincte plutôt que comme bien commun des époux. Les repères ①–⑦ renvoient au fac-similé de la page précédente. Document specimen — données fictives.

① Identité — Họ, chữ đệm, tên, quốc tịch, hộ chiếu

Le nom, la nationalité et le numéro de passeport du titulaire doivent **correspondre exactement** à l'identité utilisée dans le contrat de vente et le dossier du registre foncier.

RED FLAG Le nom ou le numéro de passeport diffère du contrat de vente, ou l'orthographe est incohérente avec le passeport.

② Période de résidence — Thời gian cư trú được xác nhận

La plage de dates exacte que le quartier confirme comme couverte. Elle doit recouper la carte de résidence / le visa réels de l'acheteur et se rapprocher de la date de signature.

RED FLAG Écart entre la période confirmée et la date de la transaction, ou adresse ne correspondant pas à la résidence réelle de l'acheteur.

③ Situation matrimoniale déclarée — Tình trạng hôn nhân: Chưa đăng ký kết hôn với ai

La déclaration centrale : aucun mariage n'a été enregistré pendant la période couverte. C'est ce qui permet au futur bien d'être traité comme le **bien propre** de l'acheteur.

RED FLAG Toute mention d'un mariage, d'un divorce ou du nom d'un conjoint qui ne figure pas ailleurs dans le dossier.

④ Objet d'utilisation — Giấy này được cấp để

Un certificat vietnamien de situation matrimoniale n'est valable que pour l'**objet exact indiqué**. Un certificat délivré “pour se marier” ne peut pas être réutilisé pour une transaction immobilière — le notaire ou le bureau foncier le rejettera.

RED FLAG L'objet indiqué est sans rapport avec la transaction immobilière, ou n'est pas renseigné.

⑤ Durée de validité — Giá trị sử dụng: 06 tháng

Contrairement au Livret rose, ce document expire rapidement : seulement **6 mois à compter de la date de délivrance** (Décret 123/2015). En cas de retard de signature, il doit être renouvelé.

RED FLAG Certificat déjà expiré le jour de la signature du contrat de vente ou de l'acte notarié.

⑥ Numéro d'enregistrement — Số vào sổ hộ tịch

Numéro d'inscription au registre de l'état civil du Comité populaire (UBND) émetteur. Il permet de vérifier le certificat auprès du bureau du quartier qui l'a délivré.

⑦ QR et numéro de série — Số, mã QR

Les certificats récents comportent un numéro de série et un QR de vérification. Sur un document authentique, ils doivent correspondre au registre du quartier émetteur.

RED FLAG QR absent, ou numéro de série incohérent avec l'inscription imprimée au registre.